

BÁO CÁO TỔNG HỢP THU CHI CÁC QUỸ THÁNG 8/2024

| STT | Hoàn cảnh | Tồn đầu | Tổng thu | | Tổng chi | | Tồn cuối |
|-----|---|-------------------|-------------------|--------------------------------|------------------|---------------------------------------|-------------------|
| | | | Thành viên chuyển | Kết chuyển từ quỹ khác/CT khác | Chi | Trích quỹ hỗ trợ các quỹ khác/CT khác | |
| | Quỹ NTCM | 73,847,460 | 5,286,993 | 0 | 6,500,000 | 0 | 72,634,453 |
| 1 | Ủng hộ quỹ NTCM | 610,633,473 | | | | | 610,633,473 |
| 2 | Lãi tiết kiệm | 68,834,997 | 2,934,993 | | | | 71,769,990 |
| 3 | Phí ngân hàng & Phí quản lý tài khoản, phí sao kê | (660,000) | | | | | (660,000) |
| 4 | Garage sales ủng hộ quỹ NTCM | 16,480,000 | | | | | 16,480,000 |
| 5 | Các khoản thu chưa rõ nguồn/không ghi nội dung ủng hộ | 28,531,279 | 2,352,000 | | 2,200,000 | | 28,683,279 |
| 6 | NTCM Hỗ trợ hoàn cảnh CMTX (trích quỹ/kết chuyển) | (35,808,812) | | | 3,300,000 | | (39,108,812) |
| 7 | NTCM Hỗ trợ hoàn cảnh CMKTX (trích quỹ/kết chuyển) | (43,988,000) | | | 1,000,000 | | (44,988,000) |
| 8 | NTCM hỗ trợ các Chương trình (trích quỹ/kết chuyển) | 1,996,523 | | | 0 | | 1,996,523 |
| 9 | NTCM hỗ trợ các NNMU (trích quỹ/kết chuyển) | 0 | | | | | 0 |
| 10 | NTCM hỗ trợ các Nôi cháo/quán cơm (trích quỹ/kết chuyển) | (59,354,000) | | | | | (59,354,000) |
| 11 | NTCM hỗ trợ quỹ Heartbank đầu tư tương lai (trích quỹ/kết chuyển) | 0 | | | | | 0 |
| 12 | NTCM hỗ trợ quỹ Mai táng từ thiện (trích quỹ/kết chuyển) | (3,100,000) | | | 0 | | (3,100,000) |
| 13 | Phí DD (server 10 năm/tên miền/con dấu...) | (9,718,000) | | | | | (9,718,000) |
| 14 | Tài khoản tiết kiệm tổng 4 số tk trị giá 500 triệu | (500,000,000) | | | | | (500,000,000) |

| STT | Hoàn cảnh/Chương trình | Tồn đầu | Tổng thu | | Tổng chi | | Tồn cuối |
|-----|--|--------------------|-------------------|-----------------|-------------------|------------------|--------------------|
| | | | Thành viên chuyển | Quỹ NTCM hỗ trợ | Chi | K/C vào quỹ NTCM | |
| | Quỹ CMKTX | 338,302,324 | 4,100,000 | 0 | 61,586,000 | 0 | 280,816,324 |
| | CMKTX Hoàn Cảnh | 46,553,000 | 900,000 | 0 | 1,200,000 | 0 | 46,253,000 |
| 1 | Áo thun đồng phục NTCM | (17,647,000) | | | | | (17,647,000) |
| 2 | Anh Lò Văn Hạnh CMTX 3 tháng | 900,000 | | | | | 900,000 |
| 3 | Anh Tuệ - Hà Tĩnh | 1,000,000 | | | | | 1,000,000 |
| 4 | Bé Lu Minh Khang mổ tim Hà Nội | 22,100,000 | | | | | 22,100,000 |
| 5 | Chuyến xe 0 đồng | 14,000,000 | | | | | 14,000,000 |
| 6 | Em Bàn Văn Chiến Mộc Châu Sơn La | 17,500,000 | | | | | 17,500,000 |
| 7 | Bé Hồng An Tiền Giang | 5,800,000 | | | | | 5,800,000 |
| 8 | Anh Thanh bệnh Phổi BV Phổi TW | 1,000,000 | | | | | 1,000,000 |
| 9 | Ngọc Anh Huế | 1,300,000 | | | | | 1,300,000 |
| 10 | Em Hồ Thị Như A Lười Huế CMKTX & CMTX | 500,000 | | | | | 500,000 |
| 11 | Cháu VTA ung thư Hanoi | 100,000 | | | | | 100,000 |
| 12 | 2 cháu hằng Châu Hà Tĩnh | 0 | 600,000 | | 900,000 | | (300,000) |
| 12 | chú An Hưng Nguyên Nghệ An | 0 | 300,000 | | 300,000 | | 0 |
| | Chương trình hoạt động | 79,924,013 | 0 | 0 | 0 | 0 | 79,924,013 |
| 1 | Xe lăn hỗ trợ người khuyết tật | 14,878,925 | | | | | 14,878,925 |
| 2 | CT Đồng Âm TT chăm sóc Người Khuyết Tật - Thụy An Ba Vì Hà Nội | 8,079,000 | | | | | 8,079,000 |
| 3 | CT Giao Thừa Âm Hà Nội 2023 | 12,060,000 | | | | | 12,060,000 |
| 5 | CT Tết Yêu Thương Nghệ An 2023 | 1,367,088 | | | | | 1,367,088 |
| 6 | CT Khám bệnh nhân đạo đảo Lý Sơn Quảng Ngãi 2023 | 3,436,000 | | | | | 3,436,000 |

| | | | | | | | |
|----|---|--------------------|------------------|----------|-------------------|----------|-------------------|
| 7 | CT Tiệc nhỏ mái ấm Mây Ngàn Tây Ninh | 7,443,000 | | | | | 7,443,000 |
| 8 | CT Trung Thu Yang Mao Dak Lak 2023 | 3,100,000 | | | | | 3,100,000 |
| 9 | CT Chuyển xe Nhân Ái - Huế | 11,900,000 | | | | | 11,900,000 |
| 10 | CT CMX BV Thân Hà Nội 2024 | 9,610,000 | | | | | 9,610,000 |
| 11 | CT GTA Hà Nội 2024 | 4,050,000 | | | | | 4,050,000 |
| | CT Ủng hộ đồng bào lũ lụt Sơn La | 2,300,000 | | | | | 2,300,000 |
| 12 | CT Ủng hộ quạt điện A Lưới Huế | 1,700,000 | | | | | 1,700,000 |
| | NNMU | 113,698,297 | 2,100,000 | 0 | 60,386,000 | 0 | 55,412,297 |
| 1 | NNMU số 34 GD bà Huyện Hàm Yên Tuyên Quang | 18,200,000 | | | | | 18,200,000 |
| 2 | NNMU số 37 tại ĐakLak | 11,000,000 | | | | | 11,000,000 |
| 3 | NNMU số 38 - Hai bà cháu Vũ Nghệ An | 3,828,000 | | | | | 3,828,000 |
| 4 | NNMU39 Gia đình bé Y Ghi Byã Krong Bong Dak Lak | 618,056 | | | | | 618,056 |
| 5 | NNMU40 hai cô Sâm Yên Định Thanh Hóa | (4,723,120) | | | | | (4,723,120) |
| 6 | NNMU41 Gia đình anh Vư chị Dính Krong Bong Dak Lak | (1,991,780) | | | | | (1,991,780) |
| 7 | NNMU42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak | (498,859) | | | | | (498,859) |
| 8 | NNMU43 Gđ chị H Bianh Byã - Buôn Blak | (404,000) | | | | | (404,000) |
| 9 | NNMU44 Gia đình cô HNÁP BYA- Đăk Tuôr | 510,000 | | | | | 510,000 |
| 10 | NNMU 45 Gđ Chị Nguyễn Thị Lựu Krong Bong DakLak | 16,505,000 | 1,500,000 | | 10,386,000 | | 7,619,000 |
| 11 | NNMU 46 Gđ chú Ngô Văn Dì - Bản Pàn Kèng - Cao Bằng | 70,655,000 | 600,000 | | 50,000,000 | | 21,255,000 |
| | Nồi cháo/Quán Cơm | 14,610,000 | 1,100,000 | 0 | 0 | 0 | 15,710,000 |
| 1 | Nồi cháo Hà Nội | 4,300,000 | | | | | 4,300,000 |
| 2 | Quán cơm 2000 Sài Gòn | 7,610,000 | 100,000 | | | | 7,710,000 |
| 3 | Quán cơm 2000 Cần Thơ | 500,000 | | | | | 500,000 |
| 4 | Nồi Cháo Quảng Trị | 1,500,000 | | | | | 1,500,000 |
| 5 | Nồi Cháo Cư Pui | 200,000 | | | | | 200,000 |
| 6 | Nồi Cháo Hà Tĩnh | 500,000 | | | | | 500,000 |
| 7 | Thứ Bảy Yêu Thương Hà Tĩnh | | 1,000,000 | | | | 1,000,000 |
| | Quý hỗ trợ trẻ em mồ côi do dịch covid - 19 | 83,517,014 | 0 | 0 | 0 | 0 | 83,517,014 |
| 1 | Trẻ em mồ côi khó khăn vì Covid | 83,517,014 | | | | | 83,517,014 |

| STT | Hoàn cảnh | Tồn đầu | Tổng thu | | Tổng chi | | Tồn cuối |
|-----|--|------------------|-------------------|--|-------------------|---|------------------|
| | | | Thành viên chuyển | Quỹ NTCM hỗ trợ hoặc K/C từ hoàn cảnh khác | Chi | K/C từ Hoàn cảnh khác/Trích quỹ MTTT hỗ trợ | |
| | Quỹ Mai Táng Từ Thiện | 4,138,000 | 11,100,000 | 0 | 11,100,000 | 0 | 4,138,000 |
| 1 | Quỹ Mai Táng Từ Thiện | 1,038,000 | | | | | 1,038,000 |
| 3 | MTTT Ông Konh Hêm (Pi Riu Mía) A Lưới Huế | 300,000 | | | | | 300,000 |
| 4 | Mai táng từ thiện ủng hộ nhóm MTTT của Chú Ba Oanh HCM | 800,000 | | | | | 800,000 |
| 5 | Mai táng từ thiện Em Trạ Đồng Nai | 700,000 | | | | | 700,000 |
| 6 | Mai táng từ thiện bà Đoàn Hà Tĩnh | 100,000 | | | | | 100,000 |
| 7 | Mai táng từ thiện bà Liên Hà Tĩnh | 300,000 | | | | | 300,000 |
| 8 | Mai táng từ thiện Em Sơn Hà Tĩnh | 400,000 | | | | | 400,000 |
| 9 | Mai táng từ thiện Thương A Lưới Huế | 300,000 | | | | | 300,000 |
| 10 | MTTT Chau Ho A Luoi Hue | 200,000 | | | | | 200,000 |
| 11 | MTTT Anh Chinh ở Huế | 0 | 11,100,000 | | 11,100,000 | | 0 |

| STT | Hoàn cảnh | Tồn đầu | Tổng thu | | Tổng chi | | Tồn cuối |
|-----|--|-------------------|-------------------|--|----------|--|-------------------|
| | | | Thành viên chuyển | Quỹ Heartbank hỗ trợ/Kết chuyển HC trả vay vào quỹ heartbank | Chi | Trích quỹ Heartbank hỗ trợ/Kết chuyển vào quỹ NTCM | |
| | Heart bank | 59,480,000 | 900,000 | 0 | 0 | 0 | 60,380,000 |
| 1 | Quỹ Heart bank thành viên ủng hộ | 7,180,000 | | | | | 7,180,000 |
| 2 | Bichthuy_md vay Heartbank | 2,800,000 | | | | | 2,800,000 |
| 3 | Khải Hậu Giang trả vay HB | 6,200,000 | | | | | 6,200,000 |
| 4 | Xuongrong trả vay HB | 5,000,000 | | | | | 5,000,000 |
| 5 | Mai Trâm trả vay HB | 5,000,000 | | | | | 5,000,000 |
| 6 | Bác Trâm Ca mua heo giống HB | 1,300,000 | | | | | 1,300,000 |
| 7 | Anh Trương Văn Thân/C.Hường, Quảng Nam vay mở tiệm tạp hóa | 3,900,000 | | | | | 3,900,000 |
| 8 | Anh Đỗ Ngọc Tiến trả vay HB | 2,000,000 | | | | | 2,000,000 |
| 9 | Anh Trí Chị Nhiên vay HeartBank | 3,000,000 | | | | | 3,000,000 |
| 10 | Getdown_sky vay HeartBank | 8,000,000 | | | | | 8,000,000 |
| 11 | Anh Nguyễn Tấn Hiền vay HeartBank | 400,000 | | | | | 400,000 |
| 12 | Chị Yến - Sa Đéc vay Heartbank | 500,000 | | | | | 500,000 |
| 13 | Anh Ôn Đà Nẵng trả tiền vay Heart Bank | 200,000 | | | | | 200,000 |
| 14 | Cô Tư Tân Phú vay Heartbank | 500,000 | | | | | 500,000 |
| 15 | Chị Diệp & các cháu HCM cho vay Heartbank | 1,500,000 | | | | | 1,500,000 |
| 16 | Chị Nga quán com 2000HCM học phí con chị Nga | 8,000,000 | | | | | 8,000,000 |
| 17 | Hoaituong_xn vay | 400,000 | | | | | 400,000 |
| 18 | Đặng Khánh Huyền trả vay HB | 3,600,000 | 900,000 | | | | 4,500,000 |
| | Heartbank Quỹ Đầu tư cho Tương lai | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1 | Thành viên ủng hộ | 0 | | | | | 0 |

| | |
|---|--------------------|
| Quỹ NTCM | 72,634,453 |
| Quỹ CMKTX | 280,816,324 |
| Quỹ Mai Táng Từ Thiện | 4,138,000 |
| Quỹ Heart bank | 60,380,000 |
| Heartbank Quỹ Đầu tư cho Tương lai | 0 |
| 4 sổ tiết kiệm | 500,000,000 |
| Tổng Quỹ NTCM | 917,968,777 |